

BỘ QUỐC PHÒNG
TRUNG TÂM NHIỆT ĐỐI VIỆT - NGÀ

TCVN ISO 9001:2015

QUY TRÌNH
KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH BẰNG OXY CAO ÁP

Mã số: QT.29

Lần ban hành: 01

Ngày /12/2024

NĂM 2024
QUY ĐỊNH CHUNG

	QUY TRÌNH	Mã số: QT.29
	KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH BẰNG OXY CAO ÁP	Lần ban hành: 01 Ngày:...../12/2024 Trang: 2/12

QUY ĐỊNH CHUNG

- Quy trình này được sử dụng thống nhất tại Trung tâm NDVN và có hiệu lực thi hành như sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc.*
- Các cơ quan, đơn vị, bộ phận hoặc cá nhân có liên quan phải nghiên cứu và thực hiện đúng các nội dung của quy trình này.*
- Văn bản điện tử của Quy trình này được lưu trữ tại thư mục Tài liệu dùng chung /Hệ thống tin chỉ đạo - Điều hành.*

NƠI NHẬN

☒	Ban TGD (06)		☒	Phòng KHKH
☒	Chi nhánh Phía Nam		☒	Phòng Tài chính
☒	Viện Y sinh Nhiệt đới		☒	Phòng Chính trị
☒	Văn phòng		☒	Ban CNTT
☒	Phòng HC-KT		☒	Ban ISO (Thư ký ISO)

Tài liệu này là tài sản của Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga. Không được sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của Thủ trưởng TT NDVN.

	QUY TRÌNH	Mã số: QT.29
	KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH BẰNG OXY CAO ÁP	Lần ban hành: 01 Ngày:...../12/2024 Trang: 3/12

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

I. MỤC ĐÍCH

II. PHẠM VI ÁP DỤNG

III. CƠ SỞ PHÁP LÝ, TÀI LIỆU THAM KHẢO

IV. ĐỊNH NGHĨA, VIẾT TẮT

1. Định nghĩa

2. Viết tắt

V. NỘI DUNG QUY TRÌNH

1. Lưu đồ

2. Mô tả

VI. BIỂU MẪU

VII. PHỤ LỤC

Trách nhiệm	Soạn thảo	Soát xét	Phê duyệt
Chức vụ	Giám đốc CNPN	Phó TGD - TB.CĐ ISO	Tổng Giám đốc
Chữ ký			
Họ và tên	Đại tá Nguyễn Văn Thịnh	Đại tá Nguyễn Phi Long	Thiếu tướng Đặng Hồng Triền

[illegible]

	QUY TRÌNH	Mã số: QT.29
	KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH BẰNG OXY CAO ÁP	Lần ban hành: 01 Ngày:...../12/2024 Trang: 5/12

I. MỤC ĐÍCH

- Thống nhất quy trình khám và điều trị bệnh bằng Oxy cao áp (OXCA): Đón tiếp, tư vấn, khám bệnh và điều trị bệnh bằng OXCA.

- Hướng dẫn thực hiện các giải pháp cải tiến quy trình và thủ tục trong khám bệnh, rút ngắn thời gian chờ đợi, tránh gây phiền hà và tăng sự hài lòng của người bệnh, đáp ứng các nhu cầu cũng như chuẩn hoá công tác khám và chữa bệnh tại Trung tâm.

- Người bệnh biết rõ được quy trình để cùng phối hợp với Trung tâm trong quá trình khám và điều trị bệnh.

II. PHẠM VI ÁP DỤNG

- Áp dụng đối với công tác khám và điều trị bệnh bằng OXCA cho Trung tâm Nghiên cứu điều trị OXCA/ Chi nhánh Phía Nam và Trung tâm Nghiên cứu - Điều trị kỹ thuật cao/ Viện Y sinh Nhiệt đới.

- Quy trình này áp dụng cho các cơ sở có điều trị OXCA trong và ngoài quân đội để làm tài liệu tham khảo.

III. CƠ SỞ PHÁP LÝ - TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Căn cứ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

- Căn cứ Luật khám chữa bệnh số 15/2023/QH15 được Quốc hội ban hành ngày 09/01/2023.

- Căn cứ Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

- Căn cứ Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

- Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về hướng dẫn Luật khám, chữa bệnh và các biểu mẫu;

- Căn cứ Quyết định số 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn quy trình khám bệnh tại khoa khám bệnh của bệnh viện.

- Căn cứ Quyết định số 2539/QĐ-BYT ngày 19/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật điều trị bằng OXCA.

	QUY TRÌNH	Mã số: QT.29
	KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH BẰNG OXY CAO ÁP	Lần ban hành: 01 Ngày:...../12/2024 Trang: 6/12

- Căn cứ Giấy phép hoạt động khám chữa bệnh số 0106/GPHĐ-BQP ngày 29/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cấp cho Trung tâm Nghiên cứu điều trị bằng phương pháp OXCA, Chi nhánh Phía Nam/ Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga.

- Căn cứ Giấy phép hoạt động khám chữa bệnh số 0109/GPHĐ-BQP ngày 27/09/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cấp cho Trung tâm Nghiên cứu - Điều trị kỹ thuật cao/ Viện Y sinh Nhiệt đới/ Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga.

- Căn cứ Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Nghiên cứu điều trị bằng phương pháp OXCA thuộc Chi nhánh Phía Nam, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga được quy định tại Quyết định số 298/QĐ-NĐ ngày 08/5/2000 của Tổng Giám đốc Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga.

- Căn cứ Quyết định số 2057/QĐ-TTNDVN ngày 4/6/2024 của Tổng Giám đốc Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga về việc ban hành Phác đồ điều trị một số bệnh thường gặp bằng liệu pháp OXCA.

IV. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

1. Định nghĩa

- Khám bệnh là việc hỏi bệnh, khai thác tiền sử bệnh, thăm khám thực thể, khi cần thiết thì chỉ định làm xét nghiệm cận lâm sàng, thăm dò chức năng để chẩn đoán và chỉ định phương pháp điều trị phù hợp đã được công nhận.

- Điều trị bằng OXCA là phương pháp điều trị mà người bệnh được thở oxy nguyên chất (100%) hoặc hỗn hợp khí giàu oxy trong một thiết bị có khả năng chịu áp lực cao gọi là buồng cao áp ở điều kiện áp suất lớn hơn áp suất khí quyển (lớn hơn 1 atmosphere) để chữa bệnh, góp phần giải quyết có hiệu quả tình trạng thiếu oxy của cơ thể - một nguyên nhân thường gặp phổ biến của nhiều bệnh.

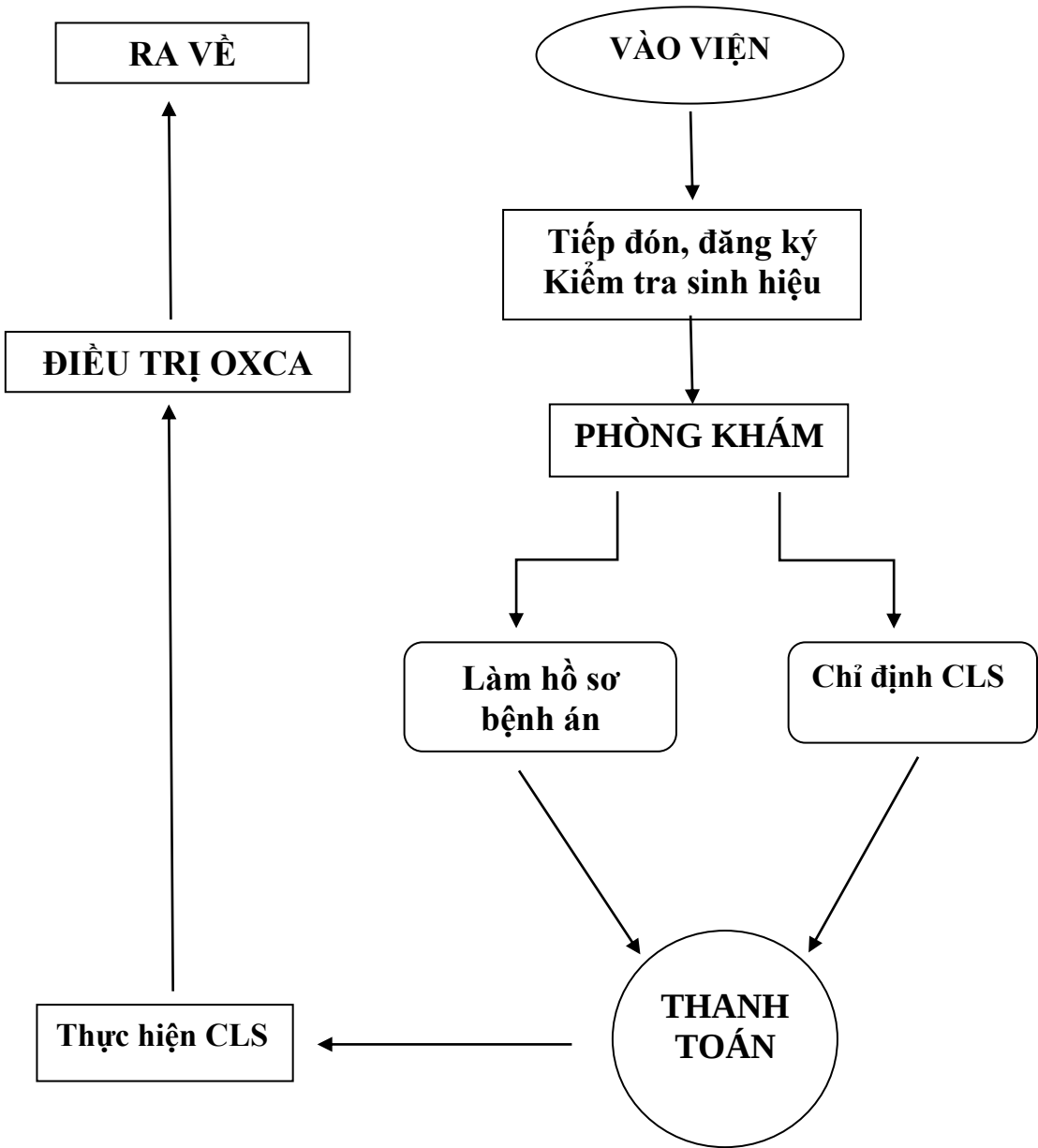
2. Viết tắt

- OXCA: Oxy cao áp
- CCCD: Căn cước công dân
- Trung tâm: Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga

	QUY TRÌNH	Mã số: QT.29
	KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH BẰNG OXY CAO ÁP	Lần ban hành: 01 Ngày:...../12/2024 Trang: 7/12

V. NỘI DUNG QUY TRÌNH

1. Sơ đồ quy trình



	QUY TRÌNH	Mã số: QT.29
	KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH BẰNG OXY CAO ÁP	Lần ban hành: 01 Ngày:...../12/2024 Trang: 8/12

2. Mô tả quy trình

2.1. Đăng ký khám, xuất trình giấy tờ tùy thân tại quầy tiếp nhận

- Bệnh nhân xuất trình giấy tờ tùy thân, căn cước công dân (CCCD), giấy giới thiệu, giấy chuyển tuyến (nếu có) cho bộ phận tiếp nhận.
- Nhân viên bộ phận tiếp nhận đối chiếu thông tin giấy tờ tùy thân, tiến hành đăng ký lịch khám và điều trị với bác sĩ theo yêu cầu của bệnh nhân.

2.2. Thực hiện kiểm tra sinh hiệu tại quầy điều dưỡng ở phòng khám

Bệnh nhân theo số thứ tự khám bệnh đã lấy từ quầy tiếp nhận đến phòng khám để được kiểm tra sinh hiệu: mạch, nhiệt độ, huyết áp...

2.3. Gặp bác sĩ khám, chẩn đoán và chỉ định các xét nghiệm, điều trị tiếp theo

Bác sĩ trực tiếp thăm khám và đánh giá tình trạng bệnh; chẩn đoán, tư vấn, làm bệnh án (QT.26.01) và yêu cầu các chỉ định cận lâm sàng (xét nghiệm, siêu âm, đo thính lực, đo chức năng hô hấp, đo điện não...) (từ QT.26.02 đến QT.26.08).

2.4. Thanh toán

Bệnh nhân tiến hành thanh toán các khoản phí: xét nghiệm, siêu âm, đo thính lực, đo chức năng hô hấp, đo điện não, điều trị OXCA,... theo chỉ định của bác sĩ.

2.5. Thực hiện các xét nghiệm cận lâm sàng theo chỉ định của bác sĩ

Dựa trên chỉ định của bác sĩ bệnh nhân tiến hành các xét nghiệm cận lâm sàng như đo điện tim, xét nghiệm máu, siêu âm, đo thính lực,...

2.6. Gặp bác sĩ đọc kết quả các xét nghiệm cận lâm sàng

Sau khi có đầy đủ kết quả kiểm tra cận lâm sàng cần thiết, bệnh nhân gặp bác sĩ để được tư vấn tình trạng bệnh, phương pháp điều trị OXCA phù hợp và tốt nhất cho từng bệnh nhân. Bệnh nhân được hướng dẫn đi điều trị OXCA.

2.7. Điều trị OXCA

2.7.1. Chuẩn bị

Người thực hiện:

- Bác sĩ, kỹ thuật viên, điều dưỡng viên có chứng chỉ hành nghề y và được đào tạo về chuyên ngành điều trị OXCA.
- Luôn luôn có nhân viên y tế ở khu vực bàn điều khiển buồng cao áp để theo dõi người bệnh.

	QUY TRÌNH	Mã số: QT.29
	KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH BẰNG OXY CAO ÁP	Lần ban hành: 01 Ngày:...../12/2024 Trang: 9/12

- Xem xét hồ sơ bệnh án, kiểm tra lại phác đồ điều trị cho từng người bệnh, thực hiện nghiêm túc y lệnh và ghi chép hồ sơ bệnh án theo quy định.

Phương tiện:

- Buồng cao áp đơn (dành cho một người bệnh), các trang thiết bị an toàn kèm theo.
- Kiểm tra việc chuẩn bị buồng cao áp: kiểm tra buồng cao áp (độ kín của buồng, các van,...) và nhật ký vận hành buồng; kiểm tra an toàn về điện (tiếp đất); kiểm tra hệ thống điều khiển, hệ thống theo dõi (đồng hồ đo áp lực, nhiệt độ, nồng độ oxy); kiểm tra các hệ thống phụ trợ trong buồng cao áp (điều hòa nhiệt độ, đèn, còi báo động, loa, micro giao tiếp giữa người bệnh và nhân viên y tế).
- Kiểm tra việc chuẩn bị các thiết bị kèm theo: kiểm tra bình chứa oxy, các hệ thống van khóa và van an toàn; kiểm tra hệ thống cứu hỏa (bình chứa nước và phun nước cứu hỏa, máy bơm, bình cứu hỏa,...).

Người bệnh:

- Giải thích cho người bệnh biết quy trình điều trị và những vấn đề gặp phải trong quá trình điều trị để người bệnh yên tâm và biết cách hợp tác tốt với nhân viên y tế.
- Hướng dẫn người bệnh:
 - + Cần nghỉ ngơi 30 phút trước khi điều trị để ổn định mạch, huyết áp; đi vệ sinh trước khi vào buồng cao áp.
 - + Không dùng các loại mỹ phẩm, các loại thuốc thoa ngoài da có chất dầu, mỡ. Không đeo trang sức, đồng hồ bằng kim loại, không mang bất kỳ đồ đạc dễ cháy nổ khi nằm trong buồng cao áp.
 - + Mặc quần áo của cơ sở điều trị OXCA (may bằng chất liệu 100% cotton).
 - + Cách thay đổi tư thế và cách thức trao đổi thông tin với nhân viên y tế bên ngoài qua hệ thống thông tin có trên buồng cao áp.
 - + Thực hành nuốt khi bóp mũi hoặc làm nghiệm pháp Valxava.
- Đo mạch, huyết áp: nếu người bệnh có tăng huyết áp thì dùng thuốc hạ huyết áp, khi huyết áp trở về bình thường mới điều trị.

Hồ sơ bệnh án: (QT.26.01), (QT.26.09)

Ghi chép đầy đủ hồ sơ bệnh án theo quy định.

2.7.2. Các bước tiến hành:

	QUY TRÌNH	Mã số: QT.29
	KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH BẰNG OXY CAO ÁP	Lần ban hành: 01 Ngày:...../12/2024 Trang: 10/12

Kiểm tra người bệnh:

- Quần áo: Mặc quần áo riêng của cơ sở điều trị OXCA (chất liệu vải bông 100%).
- Tháo răng giả, đồng hồ, trang sức và các đồ dùng khác bằng kim loại,...
- Giải thích để người bệnh biết về những hiện tượng hay gặp trong thời gian điều trị (hiện tượng ù tai khi tăng áp và khi giảm áp) để người bệnh yên tâm và biết cách phối hợp với bác sĩ trong quá trình điều trị.
- Nhắc lại các điều hướng dẫn khi tăng áp, duy trì, giảm áp, phương pháp thay đổi tư thế và cách thức giao tiếp khi điều trị trong buồng cao áp với bác sĩ bên ngoài.

Đưa người bệnh vào buồng cao áp: Ổn định tư thế người bệnh (tư thế nằm,...) trong buồng cao áp.

Thực hiện liệu trình tăng áp - duy trì - giảm áp:

Trung tâm Nghiên cứu điều trị OXCA sử dụng buồng cao áp loại dùng oxy tinh khiết để tạo áp lực đồng thời để bệnh nhân hô hấp:

- + Giai đoạn 1 (giai đoạn đôi khí): Sử dụng oxy tinh khiết để đuổi không khí nhằm đảm bảo đưa nồng độ oxy trong buồng đạt mức cao nhất, giai đoạn này kéo dài 1 - 5 phút.
- + Giai đoạn 2 (giai đoạn tăng áp): Đưa áp suất trong buồng đạt tới áp suất cần thiết theo phác đồ điều trị, giai đoạn này kéo dài khoảng 10 - 12 phút.
- + Giai đoạn 3 (giai đoạn bình áp): Khi áp suất trong buồng đạt tới áp suất điều trị chuyển sang giai đoạn duy trì và đảm bảo giữ nguyên áp suất theo phác đồ điều trị. Giai đoạn này duy trì lượng oxy ra vào buồng bằng nhau, ổn định. Đây là giai đoạn quyết định hiệu quả điều trị của OXCA. Giai đoạn bình áp kéo dài 38 - 100 phút (tùy thời gian điều trị 60 phút hay 120 phút).
- + Giai đoạn 4 (giai đoạn giảm áp): Nhằm đưa áp suất trong buồng trở lại áp suất khí quyển (1,0 ATA), giai đoạn giảm áp kéo dài khoảng 10 - 12 phút.

Đưa người bệnh ra khỏi buồng cao áp:

Khi áp suất trong buồng trở lại áp suất khí quyển, mở cửa buồng, cho người bệnh nghỉ 2 - 3 phút và đưa người bệnh ra ngoài.

Kiểm tra người bệnh sau điều trị OXCA:

Thăm hỏi, khám lại người bệnh, ghi chép vào hồ sơ bệnh án. Để người bệnh nghỉ 5 - 10 phút và hẹn lần điều trị tiếp theo.

	QUY TRÌNH	Mã số: QT.29
	KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH BẰNG OXY CAO ÁP	Lần ban hành: 01 Ngày:...../12/2024 Trang: 11/12

Theo dõi bệnh nhân trong quá trình điều trị.

Trong suốt thời gian điều trị, bác sĩ và nhân viên vận hành buồng cao áp không được rời vị trí quy định, luôn luôn theo dõi, nhanh chóng phát hiện và xử lý những bất thường nếu có.

2.7.3. Theo dõi tác dụng phụ không mong muốn và xử lý

Đau tai (thường gặp ở giai đoạn tăng hoặc giảm áp).

- Bước 1: nếu đau tai nhẹ thì hướng dẫn người bệnh làm động tác nhai và nuốt.
- Bước 2: nếu làm động tác nhai nuốt không đỡ thì hướng dẫn người bệnh nuốt khi bóp mũi hoặc làm nghiệm pháp Valxava (hít sâu, sau đó bóp chặt 2 lỗ mũi bằng ngón tay cái và trỏ, ngậm chặt miệng, thở ra mạnh 2 - 3 lần nhằm làm thông vòi Eustache).

- Bước 3: nếu người bệnh đã thực hiện nuốt khi bóp mũi hoặc làm nghiệm pháp Valxava mà vẫn còn đau tai, bác sĩ điều trị có thể giảm áp suất trong buồng xuống một ít (0,1 hoặc 0,2 ATA) sau đó tiếp tục tăng áp với tốc độ chậm hơn. Nếu không có kết quả phải ngừng quá trình tăng áp, giảm áp đưa bệnh nhân ra khỏi buồng.

Ngộ độc oxy (rất ít gặp):

- Ngộ độc oxy cấp tính:

- + Triệu chứng: Biểu hiện bằng cơn co giật.
- + Xử lý: Ngừng điều trị, nhanh chóng đưa người bệnh ra khỏi buồng cao áp, cho thở khí trời, cho uống các thuốc chống co giật.

- Ngộ độc oxy mãn tính:

- + Triệu chứng: Biểu hiện bằng viêm phổi, xuất hiện dấu hiệu đau ngực khó thở.
- + Xử lý: Dừng liệu trình điều trị, cho uống thuốc kháng sinh chống viêm, giảm đau, long đờm.

Cháy nổ:

- Thực hiện nghiêm ngặt quy trình phòng chống cháy nổ. Xả nước vào buồng cao áp.
- Nhân viên y tế ngắt điện, tiến hành giảm áp, đưa người bệnh ra khỏi buồng.

	QUY TRÌNH	Mã số: QT.29
	KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH BẰNG OXY CAO ÁP	Lần ban hành: 01 Ngày:...../12/2024 Trang: 12/12

VI. BIỂU MẪU

STT	Biểu mẫu	Nội dung biểu mẫu	Mã số	Ghi chú
01	QT.29.01	Bệnh án nội khoa	01/BV1	Mã số theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế
02	QT.29.02	Phiếu siêu âm	11/BV2	
03	QT.29.03	Phiếu đo điện tim	12/BV2	
04	QT.29.04	Phiếu đo điện não	13/BV2	
05	QT.29.05	Phiếu đo chức năng hô hấp	15/BV2	
06	QT.29.06	Phiếu xét nghiệm huyết học	17/BV2	
07	QT.29.07	Phiếu xét nghiệm sinh hoá	22/BV2	
08	QT.29.08	Phiếu xét nghiệm nước tiểu	23/BV2	
09	QT.29.09	Phiếu theo dõi điều trị	36/BV2	
10	QT.29.10	Giấy xác nhận điều trị		Sử dụng khi có nhu cầu
11	QT.29.11	Giấy chuyển viện		

VII. PHỤ LỤC

11 biểu mẫu: QT.29.x (x từ 01 đến 11) kèm theo.

ĐƠN VỊ(1).....
TRUNG TÂM(2).....

BỆNH ÁN NỘI KHOA

MS: 01/BV-01
Số lưu trữ:

I. HÀNH CHÍNH:

1. Họ và tên (In hoa): 2. Sinh ngày: Tuổi
3. Giới: 1. Nam ☐ 2. Nữ ☐ 4. Nghề nghiệp:
5. Dân tộc: 6. Ngoại kiều:
7. Địa chỉ: Số nhà Thôn, phố.....Xã,phường.....
Huyện (Q, Tx) Tỉnh, thành phố
8. Nơi làm việc: 9. Đối tượng: 1.BHYT ☐ 2.Thu phí ☐ 3.Miễn ☐ 4.Khác ☐
10. BHYT giá trị đến ngàytháng..... năm Số thẻ BHYT
11. Họ tên, địa chỉ người nhà khi cần báo tin:
..... Điện thoại số.....

II. QUẢN LÝ NGƯỜI BỆNH

12. Vào phòng khám:giờ.....phngày...../...../..... 13. Trực tiếp vào: 1.Cấp cứu ☐ 2.PKB ☐ 3.Phòng điều trị ☐	14.Nơi giới thiệu: 1.Cơ quan y tế ☐ 2.Tự đến ☐ 3.Khác ☐ - Vào viện do bệnh này lần thứ
Phòng khám ng / th / năm Số ngày ĐTr 15. Vào phòng khám Giờ.....phút...../...../..... 16. Chuyển Giờ.....phút...../...../..... Khoa Giờ.....phút...../...../..... Giờ.....phút...../...../.....	17. Chuyển viện: 1.Tuyến trên ☐ 2.Tuyến dưới ☐ 3.CK ☐ - Chuyển đến 18. Ra viện: giờ ngày/...../..... 1. Ra viện ☐ 2. Xin về ☐ 3. Bỏ về ☐ 4. Đưa về ☐ 19. Tổng số ngày điều trị.....

III. CHẨN ĐOÁN

MÃ

MÃ

20. Nơi chuyển đến: 21. KKB, Cấp cứu: 22. Khi vào phòng khám điều trị + Thủ thuật: ☐ + Phẫu thuật: ☐	23. Ra viện: + Bệnh chính: + Bệnh kèm theo + Tai biến: ☐ + Biến chứng: ☐
---	---

IV. TÌNH TRẠNG RA VIỆN

24. Kết quả điều trị ☐ 1. Khỏi ☐ 4. Nặng hơn ☐ 2. Đờ, giảm ☐ 5. Tử vong ☐ 3. Không thay đổi ☐ 25. Giải phẫu bệnh (khi có sinh thiết): 1. Lành tính ☐ 2.Nghi ngờ ☐ 3.Ác tỹnh ☐	26. Tình hình tử vong: giờ.....ph ngày..... tháng năm 1. Do bệnh ☐ 2.Do tai biến điều trị ☐ 3. Khác ☐ 1. Trong 24 giờ vào viện ☐ 2.Sau 24 giờ vào viện ☐ 27. Nguyên nhân chính tử vong: 28. Khám nghiệm tử thi: ☐ 29. Chẩn đoán giải phẫu tử thi:
---	---

Ngày tháng năm

Giám đốc Trung tâm.....(2).....

Trưởng phòng khám

Họ và tên

Họ và tên

A- BỆNH ÁN

I. Lý do vào viện:..... Vào ngày thứ của bệnh

II. Hỏi bệnh:

1. Quá trình bệnh lý: (khởi phát, diễn biến, chẩn đoán, điều trị của tuyến dưới v.v...).

.....
.....
.....
.....
.....

2. Tiền sử bệnh:

+ Bản thân: (phát triển thể lực từ nhỏ đến lớn, những bệnh đã mắc, phương pháp ĐTr, tiêm phòng, ăn uống, sinh hoạt v.v...)

.....
.....

Đặc điểm liên quan bệnh:

TT	Ký hiệu	Thời gian (tính theo tháng)	TT	Ký hiệu	Thời gian (tính theo tháng)
01	- Dị ứng ☐	(dị nguyên)	04	- Thuốc lá ☐	
02	- Ma túy ☐		05	- Thuốc lào ☐	
03	- Rượu bia ☐		06	- Khác ☐	

+ Gia đình: (Những người trong gia đình: bệnh đã mắc, đời sống, tinh thần, vật chất v.v...).

.....
.....

III-Khám bệnh:

1. Toàn thân: (ý thức, da niêm mạc, hệ thống hạch, tuyến giáp, vị trí, kích thước, số lượng, di động v.v...)

.....
.....
.....
.....
.....

Mạch	lần/ph
Nhiệt độ.....	°C
Huyết áp	mmHg
Nhịp thở.....	lần/ph
Cân nặng	.kg

2. Các cơ quan:

+ Tuần hoàn:

.....
.....
.....
.....

+ Hô hấp:

.....
.....
.....
.....

+ Tiêu hoá:

.....
.....
.....

+ Thận- Tiết niệu- Sinh dục:

.....
.....
+ Thần Kinh:
.....
.....
+ Cơ- Xương- Khớp:
.....
.....
+ Tai- Mũi- Họng:
.....
+ Răng- Hàm- Mặt:
.....
+ Mắt:
+ Nội tiết, dinh dưỡng và các bệnh lý khác:
.....

3. Các xét nghiệm cận lâm sàng cần làm:
.....
.....

4. Tóm tắt bệnh án:
.....
.....
.....
.....

IV. Chẩn đoán khi vào phòng khám điều trị:

+ Bệnh chính:
+ Bệnh kèm theo (nếu có):
+ Phân biệt:

V. Tiên lượng:
.....

VI. Hướng điều trị:
.....

Ngày.....tháng..... năm.....
Bác sỹ làm bệnh án

Họ và tên.....

B. TỔNG KẾT BỆNH ÁN

1. Quá trình bệnh lý và diễn biến lâm sàng:

2. Tóm tắt kết quả xét nghiệm cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán:

3. Phương pháp điều trị:

4. Tình trạng người bệnh ra viện:.....

5. Hướng điều trị và các chế độ tiếp theo:

<i>Hồ sơ, phim, ảnh</i>		Người giao hồ sơ:	Ngày.....tháng.....năm..
Loại	Số tờ		
- X - quang		Họ tên.....	Bác sỹ điều trị
- CT Scanner			
- Siêu âm		Người nhận hồ sơ:	
- Xét nghiệm			
- Khác.....			
- Toàn bộ hồ sơ		Họ tên.....	

Ghi chú:

(1) Chi nhánh Phía Nam hoặc Viện Y sinh Nhiệt đới.

(2) Trung tâm Nghiên cứu điều trị OXCA hoặc Trung tâm Nghiên cứu - Điều trị kỹ thuật cao.

ĐƠN VỊ.....(1).....
TRUNG TÂM.....(2).....

PHIẾU ĐIỆN TIM

MS: 12/BV2
Số vào viện:.....

- Họ tên người bệnh: Tuổi: Nam/Nữ:
- Cân nặng: kg; Chiều cao:cm
- Địa chỉ:
- Chẩn đoán:
- Yêu cầu kiểm tra:

Ngày tháng năm

Bác sĩ điều trị

Họ tên:

Kết quả điện tim

- Chuyển đạo mẫu:

-
-
- Nhịp, tần số: Góc α :
- Trục: Tư thế tim:
- P: -PQ:
- QRS:.....
-
- ST:
- T:
- QT:.....
- Chuyển đạo trước tim:

Kết luận:

.....

.....

.....

.....

Ngày tháng năm

Bác sĩ chuyên khoa

Lời dặn của BS chuyên khoa:

Họ tên:

Ghi chú:

(1) Chi nhánh Phía Nam hoặc Viện Y sinh Nhiệt đới.

(2) Trung tâm Nghiên cứu điều trị OXCA hoặc Trung tâm Nghiên cứu - Điều trị kỹ thuật cao.

ĐƠN VỊ.....(1).....
TRUNG TÂM.....(2).....

**PHIẾU ĐO CHỨC
 NĂNG HÔ HẤP**

MS: 15/BV-02
 Số vào viện:.....

- Họ tên người bệnh: Tuổi.....Nam/Nữ:
 - Địa chỉ: :
 - Khoa: Bường:Giường:
 - Chẩn đoán:

	Dung tích sống	DT.thở ra Tối đa/giây	Tỉ số Tiffenau	Thông khí Phút/ tối đa	Khí dự trữ
- Dự kiến					
- Thực tế					
- Tỷ lệ giảm %					
-					
-					

Ngày tháng năm
Bác sĩ điều trị

Ngày tháng năm
Bác sĩ chuyên khoa

Họ tên

Họ tên

Ghi chú:

- (1) Chi nhánh Phía Nam hoặc Viện Y sinh Nhiệt đới.
- (2) Trung tâm Nghiên cứu điều trị OXCA hoặc Trung tâm Nghiên cứu - Điều trị kỹ thuật cao.

ĐƠN VỊ.....(1).....
TRUNG TÂM.....(2).....

PHIẾU XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC

MS: 17/BV-02
Số

Thường: ☐

Cấp cứu: ☐

- Họ tên người bệnh: Tuổi: Nam/Nữ.....
 - Địa chỉ:Số thẻ BHYT:
 - Khoa: Buồng:Giường:
 - Chẩn đoán:

1. Tế bào máu ngoại vi:

Chỉ số	Kết quả	Chỉ số	Kết quả
☐ Số lượng HC: nam ($4,0-5,8 \times 10^{12}/l$) nữ ($3,9-5,4 \times 10^{12}/l$)		☐ Số lượng BC ($4-10 \times 10^9/l$)	
☐ Huyết sắc tố: nam ($140-160 \text{ g/l}$) nữ ($125-145 \text{ g/l}$)		☐ Thành phần bạch cầu (%):	
☐ Hematocrit nam ($0,38-0,50 \text{ l/l}$) nữ ($0,35-0,47 \text{ l/l}$)		- Đoạn trung tính	
☐ MCV ($83-92 \text{ fl}$)		- Đoạn ưa a xít	
☐ MCH ($27-32 \text{ pg}$)		- Đoạn ưa ba zơ	
☐ MCHC ($320-356 \text{ g/l}$)		- Mono	
☐ Độ phân bố hồng cầu ($11.6-14.0\%$)		- Lympho	
☐ Số lượng tiểu cầu ($150-400 \times 10^9/l$)		- Gran	
☐ Khối tiểu cầu ($1.16-0.33\%$)			
☐ Thể tích trung bình tiểu cầu ($7-11 \text{ fl}$)		☐ Máu lắng: giờ 1 ($< 15 \text{ mm}$)	
☐ Phân bố tiểu cầu ($15-17\%$)		giờ 2 ($< 20 \text{ mm}$)	

2. Đông máu:

☐ Thời gian máu chảy: phút

☐ Thời gian máu đông: phút

3. Nhóm máu:

☐ Hệ ABO

☐ Hệ Rh:

..... Giờ ngày tháng năm

Bác sĩ điều trị

..... Giờ ngày tháng năm

Phòng xét nghiệm

Họ tên

Họ tên

Hướng dẫn:

- Quy ước quốc tế: số lượng hồng cầu, bạch cầu... tính trong đơn vị lít (l).
- Ví: $1.000.000.000 = 10^9 = \text{G (Giga)}$; $1.000.000.000.000 = 10^{12} = \text{T (Tera)}$.
- Số lượng hồng cầu trước đây tính trong 1ml, ví dụ là 4 triệu; nay quy ra trong 1 lít là 4 triệu triệu/ l hay $4 \times 10^{12}/l$ hay 4T/l.

Ghi chú:

(1) Chi nhánh Phía Nam hoặc Viện Y sinh Nhiệt đới.

(2) Trung tâm Nghiên cứu điều trị OXCA hoặc Trung tâm Nghiên cứu - Điều trị kỹ thuật cao.

ĐƠN VỊ.....(1).....
TRUNG TÂM.....(2).....

**PHIẾU XÉT NGHIỆM
HÓA SINH MÁU**

QT.29.07
MS: 22/BV-02
Số

Thường:

Cấp cứu:

- Họ tên người bệnh:
- Địa chỉ:Số thẻ BHYT:
- Khoa:Buồng:Giường:
- Chẩn đoán:

Tên xét nghiệm	Trị số bình thường	Kết quả	Tên xét nghiệm	Trị số bình thường	Kết quả
Urê	2,5-7,5 mmol/L		Sắt	Nam: 11-27 $\mu\text{mol/L}$ Nữ : 7-26 $\mu\text{mol/L}$	
Glucose	3,9-6,4 mmol/L		Magiê	0,8-1,00 mmol/L	
Creatinin	Nam: 62-120 $\mu\text{mol/L}$ Nữ : 53-100 $\mu\text{mol/L}$		AST (GOT)	$\leq 37 \text{ U/L-}37^0 \text{ C}$	
Acid Uric	Nam:180-420 $\mu\text{mol/L}$ Nữ : 150-360 $\mu\text{mol/L}$		ALT (GPT)	$\leq 40 \text{ U/L-}37^0 \text{ C}$	
BilirubinT.P	$\leq 17 \mu\text{mol/L}$		Amylase		
BilirubinT.T	$\leq 4,3 \mu\text{mol/L}$		CK	Nam: 24-190U/L- 37^0 Nữ: 24-167 U/L- 37^0	
BilirubinG.T	$\leq 12,7 \mu\text{mol/L}$		CK-MB	$\leq 24 \text{ U/L- } 37^0$	
ProteinT.P	65-82 g/L		LDH	230-460 U/L- 37^0	
Albumin	35-50 g/L		GGT	Nam: 11-50 U/L- 37^0 Nữ : 7-32 U/L- 37^0	
Globulin	24-38 g/L		Cholinesterase	5300-12900 U/L- 37^0	
Tỷ lệ A/G	1,3-1,8		Phosphatase kiềm		
Fibrinogen	2- 4 g/L		Các xét nghiệm khí máu		
Cholesterol	3,9-5,2 mmol/L		pH động mạch	7,37-7,45	
Triglycerid	0,46-1,88 mmol/L		pCO ₂	Nam: 35-46 mmHg Nữ : 32-43 mmHg	
HDL- cho.	$\geq 0,9 \text{ mmol/L}$		pO ₂ động mạch	71-104 mmHg	
LDL- cho.	$\leq 3,4 \text{ mmol/L}$		HCO ₃ chuẩn	21-26 mmol/L	
Na ⁺	135-145 mmol/L		Kiểm dư	-2 đến +3 mmol/L	
K ⁺	3,5-5 mmol/L		Các xét nghiệm khác		
Cl ⁻	98-106 mmol/L		-		
Calci	2,15-2,6 mmol/L		-		
Calci ion hoá	1,17-1,29 mmol/L		-		
Phospho	TE: 1,3-2,2 mmol/L NL: 0,9-1,5 mmol/L		-		

....Giờ.....Ngày tháng năm

Bác sĩ điều trị

..... Giờ Ngày tháng năm

Phòng xét nghiệm

Họ tên

Họ tên

Ghi chú:

- (1) Chi nhánh Phía Nam hoặc Viện Y sinh Nhiệt đới.
- (2) Trung tâm Nghiên cứu điều trị OXCA hoặc Trung tâm Nghiên cứu - Điều trị kỹ thuật cao.

ĐƠN VỊ.....(1).....
TRUNG TÂM.....(2).....

**PHIẾU XÉT NGHIỆM
HÓA SINH NƯỚC TIỂU**

QT.29.08
MS: 23/BV-02
Số

Thường: ☐ Cấp cứu: ☐

- Họ tên người bệnh: Tuổi: Nam/Nữ
- Địa chỉ:Số thẻ BHYT:
- Chẩn đoán:

XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ
Nước tiểu thường quy cơ bản	
Tỉ trọng (SG) (1,015-1,025)	
pH (4,8-7,4)	
Bạch cầu (LEU) (< 10 / μ L)	
Hồng cầu (BLOOD) (< 5/ μ L)	
Nitrit (âm tính)	
Protein (< 0,1 g/L)	
Glucose (< 0,84 mmol/L)	
Bilirubin (< 3,4 μ mol/L)	
Urobilinogen (< 16,9 μ mol/L)	
Thể cetonic (< 5 mmol/L)	
Dưỡng chất	
Porphyrin	
Protein Bence- Jones	
Nước tiểu 24 giờ	
Tổng thể tích (L)	
Protein (0,05-0,07 g/d)	
Glucose (0,3-1,1 mmol/d)	
Urê (300-550 mmol/d)	
Creatinin (9-22 mmol/d)	
Acid uric (1,5-4,5 mmol/d)	
Amylase (< 900 U/d- 37 ⁰ C)	
Na ⁺ (100-300 mmol/d)	
K ⁺ (35-80 mmol/d)	

.....Giờ.....Ngày tháng năm

Bác sĩ điều trị

.....Giờ Ngày tháng năm

Phòng xét nghiệm

Họ tên

Họ tên

Ghi chú:

- (1) Chi nhánh Phía Nam hoặc Viện Y sinh Nhiệt đới.
- (2) Trung tâm Nghiên cứu điều trị OXCA hoặc Trung tâm Nghiên cứu - Điều trị kỹ thuật cao.

QT.29.09
MS: 36/BV2
Số lưu trữ:

- **Chẩn đoán:**

[illegible]

(2) Trung tâm Nghiên cứu điều trị OXCA hoặc Trung tâm Nghiên cứu - Điều trị kỹ thuật cao.

TRUNG TÂM NHIỆT ĐỚI
VIỆT - NGA
ĐƠN VỊ.....(1).....

Số:...../GXN

QT.29.10
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2), ngày.....tháng.....năm 20.....

GIẤY XÁC NHẬN KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Họ và tên: Sinh ngày:.....Nam/ Nữ:
2. Số CMND/CCCD: Ngày cấp:Nơi cấp:
3. Địa chỉ:
4. Nghề nghiệp:
5. Mã bệnh án:

II. KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ:

1. Lý do vào viện/ đến viện:
2. Thời gian khám và điều trị:
Từ giờ ngày Đếngiờ Ngày.....
3. Chẩn đoán:
.....
4. Các biện pháp điều trị (điều trị ngoại trú):

Bác sỹ điều trị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Chi nhánh Phía Nam hoặc Viện Y sinh Nhiệt đới.
- (2) Địa danh.

TRUNG TÂM NHIỆT ĐỐI
VIỆT - NGA
ĐƠN VỊ....(1)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GCV

.....(2), ngày.....tháng.....năm 20.....

GIẤY CHUYỂN VIỆN

Kính gửi:.....

Đơn vị....(1)..... trân trọng giới thiệu:

- Họ tên người bệnh:Tuổi:Nam/ Nữ:.....
- Dân tộc: Ngoại kiều:
- Nghề nghiệp: Nơi làm việc:
- Địa chỉ:
- Đã được điều trị/ khám bệnh tại:
- Từ ngày/...../..... đến/...../.....

TÓM TẮT BỆNH ÁN

- Dấu hiệu lâm sàng:
-
-

- Các xét nghiệm:
-
-
- Chẩn đoán:

- Thuốc đã dùng:
-
-

- Tình trạng người bệnh lúc chuyển viện:
-
- Lí do chuyển viện:

-
- Chuyển viện hồi:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....
- Phương tiện vận chuyển:
- Họ tên, chức danh người đưa đi:

Bác sỹ điều trị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Chi nhánh Phía Nam hoặc Viện Y sinh Nhiệt đới.
- (2) Địa danh.

